

SỬ DỤNG DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG TRONG CÁC BÀI GIẢNG LỊCH SỬ DÂN TỘC (1858-1918) TRONG CHƯƠNG TRÌNH LỊCH SỬ LỚP 11

Nguyễn Đức Toàn - Trường Đại học Cần Thơ

Ngày nhận bài: 25/07/2018; ngày sửa chữa: 30/07/2018; ngày duyệt đăng: 31/08/2018.

Abstract: Based on the role and significance of intangible cultural heritage in Mekong Delta in teaching history, the articles focus on researching intangible locally cultural heritage to exploit and use for the teaching of national history from 1858 to 1918. Thereby, the paper proposes some method in the usage to improve the quality of teaching and learning history process at high schools.

Keywords: Teaching history methods, intangible cultural heritage, history of Vietnam, high school, Mekong Delta.

1. Mở đầu

Sử dụng di sản văn hóa phi vật thể (DSVHPVT) tại địa phương trong dạy học lịch sử Việt Nam (LSVN) sẽ góp phần làm phong phú thêm tri thức của học sinh (HS) về quê hương, nhận thức đúng đắn mối quan hệ biện chứng giữa lịch sử địa phương và lịch sử dân tộc (LSDT). Qua đó, giáo dục các em lòng yêu quý, gắn bó với nơi mình sinh ra và lớn lên, dần dần hình thành ý thức và trách nhiệm đối với quê hương, đất nước, với việc giữ gìn và phát huy giá trị DSVHPVT ở địa phương. Mặt khác, còn là một biện pháp tích cực để thực hiện nguyên lí “học đi đôi với hành”, “nhà trường gắn với xã hội”, “li luận gắn với thực tiễn”; thực hiện lời dạy của cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng: “*Giáo dục phổ thông phải gắn liền với lịch sử, thiên nhiên, xã hội, con người địa phương, làm cho việc giảng dạy và học tập ở nhà trường thấm đượm hơn cuộc đời thực, HS lúc đi học đã học, đã sống thực với xã hội xung quanh*” [1; tr 307].

Bài viết nghiên cứu về việc sử dụng hiệu quả DSVHPVT vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) cho HS lớp 11 thông qua các bài giảng LSDT giai đoạn 1858-1918 trong chương trình *Lịch sử* lớp 11.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Ý nghĩa của di sản văn hóa phi vật thể tại Đồng bằng sông Cửu Long trong dạy học lịch sử Việt Nam

- *Về mặt nhận thức:* Việc sử dụng DSVHPVT tại địa phương trong DHLG góp phần cụ thể hóa kiến thức lịch sử trong sách giáo khoa mà HS cần thu nhận; từ đó, hình thành trong các em những biểu tượng chân thực, giúp HS nhớ lâu, hiểu sâu sự kiện liên quan đến bài giảng với đầy đủ khía cạnh của nó. Bên cạnh đó, DSVHPVT tại địa phương cũng góp phần tăng thêm tính sinh động của giờ giảng và thái độ của HS đối với những sự kiện, hiện tượng thông qua biểu tượng tạo được trong mỗi HS; góp phần mở rộng kiến thức cho HS; giúp các em không chỉ

được học những kiến thức đã có trong chương trình mà còn hiểu thêm những kiến thức mới được khám phá trong quá trình trải nghiệm; từ đó, HS dễ dàng vận dụng kiến thức đã học vào thực tế, giải thích một cách khoa học hơn về các hiện tượng liên quan đến thế giới xung quanh.

- *Về phát triển kỹ năng cho HS:* Lí luận dạy học đã chỉ ra rằng, tài liệu tham khảo nói chung, tài liệu DSVHPVT nói riêng nếu được sử dụng hợp lí trong dạy học LSVN sẽ góp phần rèn luyện, phát triển kỹ năng cho HS, như: tri giác tài liệu, tìm kiếm và xử lí thông tin, phát triển tư duy độc lập, sáng tạo và đặc biệt là phát triển năng lực học tập bộ môn, năng lực thực hành; giúp các em dễ dàng vận dụng kiến thức vào thực tiễn cuộc sống...

- *Về mặt giáo dục:* Sử dụng có hiệu quả nguồn tài liệu DSVHPVT tại địa phương trong dạy học LSDT góp phần giáo dục cho thế hệ trẻ lòng yêu quê hương, đất nước, kính yêu những người đã anh dũng chiến đấu và hi sinh cho độc lập tự do của Tổ quốc; trân trọng và biết ơn các vị anh hùng dân tộc. Trên cơ sở đó, HS được tiếp xúc với những di sản văn hóa liên quan đến mảnh đất, con người cụ thể nơi các em đang sống và học tập, khơi dậy trong trái tim các em lòng kính yêu, khâm phục những người đã sáng tạo ra DSVHPVT; từ đó, nâng cao nhận thức của thế hệ trẻ về trách nhiệm giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc, hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững.

2.2. Những di sản văn hóa phi vật thể tại Đồng bằng sông Cửu Long có thể sử dụng trong các bài giảng lịch sử dân tộc (1858-1918) trong chương trình *Lịch sử* lớp 11

DSVHPVT ở ĐBSCL rất đa dạng, phong phú với vô số các lễ hội dân gian như: lễ hội rước nước, lễ hội Bà Chúa Xứ, lễ Chol Chnam Thmây, lễ hội Ok Om Boc, lễ hội Nguyễn Trung Trực, lễ giỗ Bùi Hữu Nghĩa...; nghệ thuật diễn xướng dân gian: cải lương, đờn ca tài tử, hát dù kê, múa đèn, múa mâm vàng, hát lí...; tài liệu văn học

dân gian như: thơ ca, hò, vè, truyện kể; các nghề truyền thống: dệt lụa Tân Châu, nghề gốm, nghề đóng thuyền... Đây sẽ là nguồn kiến thức vô cùng quan trọng, giáo viên (GV) có thể khai thác và sử dụng trong dạy học LSVN lớp 11 ở các trường trung học phổ thông (THPT) tại địa phương. Cụ thể:

2.2.1. Các loại tài liệu thành văn

- Văn học dân gian vùng Tây Nam bộ:

+ Câu đố: câu đố ở ĐBSCL có thể chia ra thành nhiều nhóm, như: về hiện tượng thiên nhiên, về thực vật, động vật, đồ vật, về con người và hoạt động của họ. Nhưng ở đây, câu đố thường hướng đến một phạm vi rộng lớn hơn, do xuất phát từ môi trường tự nhiên đa dạng, phong phú. Chẳng hạn, khi nói về địa danh Rạch Giá (Kiên Giang), nơi đã gắn liền với những chiến công của vị anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực (người đã lãnh đạo nghĩa quân bí mật, bất ngờ đánh úp đồn Kiên Giang (nay là TP. Rạch Giá) tiêu diệt đối phương và làm chủ tình hình được 5 ngày liền), GV có thể sử dụng câu đố: “*Chỗ này không cạn không sâu/ Năm xưa tàu đã chìm đầu lồi này*” [2; tr 176]. Việc GV sử dụng câu đố này vào dạy học nội dung: “Nhân dân ba tỉnh miền Tây kháng chiến chống thực dân Pháp” có tác dụng giáo dục rất lớn, giúp thỏa mãn trí tò mò, lòng khao khát, ham hiểu biết của HS; giúp người học dễ đọc, dễ hiểu, dễ nhớ và dễ vận dụng vào thực tiễn. Bên cạnh đó, còn có tác dụng rất lớn trong việc “dựng lại lịch sử” góp phần cụ thể hóa các sự kiện, hiện tượng LSVN, giúp HS có được những hình ảnh chân thật, sinh động về những gì đã xảy ra trong quá khứ.

+ Ca dao: ca dao vùng ĐBSCL là loại hình văn học dân gian ghi lại những nét hoang sơ nhưng rất phong phú về sản vật tự nhiên; đa phần vẫn tôn trọng thể thơ lục bát hoặc lục bát biến thể, phù hợp với nội dung mô tả tình cảm, ghi dấu lịch sử, khuyên dạy đạo lí, ca ngợi các anh hùng dân tộc, phản ánh đời sống kinh tế, xã hội... Chẳng hạn, nói về nhân vật Trương Định, cùng với việc ca ngợi tinh thần nghĩa khí của ông đã chống lại lệnh bãi binh của triều đình, tiếp tục cùng với quần chúng nhân dân đứng lên kháng chiến chống thực dân Pháp và được nhân dân suy tôn là “Bình Tây đại nguyên soái”, GV sử dụng câu ca dao sau: “*Gò Công anh dũng tuyệt vời/ Ông Trương đảm là tôi trời đánh Tây/ Phất cờ chống nạn xâm lăng/ Trương Công nghĩa khí lẫy lừng trời Nam*” [3; tr 112].

Sau đó, GV có thể đưa ra câu hỏi: *Em hãy cho biết câu ca dao trên nói về nhân vật nào? Em có nhận xét gì về nhân vật đó?* Việc GV sử dụng câu ca dao trên vào dạy học nội dung Bài 19 “*Nhân dân Việt Nam kháng chiến chống Pháp xâm lược (Từ năm 1858 đến trước năm 1873)*”, mục III sẽ giúp HS có được những biểu tượng đầy đủ về Trương Định, anh hùng dân tộc của quê hương Tây Nam Bộ; qua đó khơi dậy trong các em sự

kinh yêu, lòng khâm phục đối với những người có công với quê hương, đất nước. Bên cạnh đó, việc sử dụng ca dao vùng ĐBSCL vào dạy học LSVN còn góp phần làm tăng thêm tính sinh động, gợi cảm cho bài giảng và hứng thú học tập cho HS.

+ Hò: dưới sự tác động của điều kiện tự nhiên và xã hội của vùng đất mới phương nam cùng tâm trạng xa quê, luôn nhớ về đất mẹ xa xôi dịu vợi... nên điệu hò mang từ miền Trung vào vùng ĐBSCL trở nên tha thiết u hoài hơn, trở thành một tiếng gọi từ đáy sâu thẳm của cõi lòng cô đơn giữa đất, trời, nước bao la... Câu hò thường được hình thành trong quá trình sinh hoạt, lao động, tiếng hò rập ràng, ăn nhịp theo động tác lao động; nên tùy theo môi trường sinh hoạt, người ta chia ra: *hò chèo ghe, hò cấy, hò kéo cây, hò xay lúa, hò giao duyên*... Chẳng hạn, khi nói đến *Hò giao duyên* có đoạn:

Hò...ơ...ớ...ơ

Kênh xáng mới múc

Chiếc tàu xà lúp nó chạy cũng bình thường

Em muốn ăn con lươn nấu với thịt sườn

Muốn về Trà Ba Lớn nọ ơ ờ...

Cho tiện đường thăm anh ơ...

GV có thể sử dụng câu hò này trong dạy học Bài 22 “*Xã hội Việt Nam trong cuộc khai thác lần thứ nhất của thực dân Pháp*” nhằm giúp HS thấy được những tác động của chính sách khai thác thuộc địa của Pháp ở Việt Nam. Để khai thác triệt để nguồn tài nguyên thuộc địa, chính quyền thực dân tiến hành cho đào kênh, rạch nối các trung tâm kinh tế của vùng ĐBSCL với Sài Gòn hoặc Nam Vang. Tàu xà lúp là loại tàu sắt chạy bằng máy hơi nước lần đầu tiên được đưa vào sử dụng vì có trọng tải lớn và tốc độ vận chuyển nhanh. Do đó, việc GV sử dụng câu hò trên vào dạy học nội dung này, không chỉ góp phần làm cho bài giảng trở nên sinh động, hấp dẫn mà còn mở rộng kiến thức, giúp HS hiểu được bên cạnh những tác hại của chính sách khai thác thuộc địa của Pháp thì một mặt nào đó nó cũng đem đến sự phát triển cho vùng ĐBSCL, nhất là về mặt giao thông vận tải: hàng loạt các tuyến đường được mở rộng; hàng loạt con kênh được đào (như: kênh Xáng Xà No, Trà Ôn, Chợ Gạo, Ô Môn...).

+ Vè: nếu ca dao, tục ngữ, câu đố là thể loại văn học dân gian chung của cả nước, thì vè lại là sản phẩm riêng của vùng đất mới. Về nội dung, vè thường là những câu ngắn gọn, dễ đọc, dễ nhớ, phản ánh những vấn đề mang tính thời sự, kèm theo đó là thái độ phê phán, đả kích hoặc cổ vũ có định hướng, khuấy động gây sự chú ý nhân dân trong vùng. Trong bài *Vè trốn lính* có đoạn: “... *Năm nay “kinh tế”/ Không tiền đóng thuế/ Nước mắt ròng ròng/ Gặp lính xách còng/ Mạnh ai nấy chạy*...”. GV sử

dụng bài về trên vào dạy học nội dung Bài 24 “*Việt Nam trong những năm chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918)*”, mục I: Tình hình KT-XH, nhằm giúp HS thấy được bối cảnh xã hội Việt Nam trong những năm đầu của thế kỉ XX dưới chính sách cai trị của thực dân Pháp đã làm cho sức sản xuất trong nông nghiệp giảm sút nghiêm trọng và đời sống nông dân ngày càng bần cùng. Thêm vào đó, nạn bắt lính để bổ sung lực lượng cho cuộc chiến ở châu Âu, nên những năm đầu thế kỉ XX đã có hơn 10 vạn thanh niên Việt Nam bị đưa sang chiến trường châu Âu làm lính chiến hay lính thợ. Việc sử dụng bài về trên vào dạy học không chỉ góp phần cụ thể hóa sự kiện, hiện tượng lịch sử đang học, làm phong phú thêm kiến thức LSĐT, mà còn có tác động sâu sắc đến tư tưởng, tình cảm của các em khi học tập lịch sử.

- *Thơ văn yêu nước Nam Bộ*: Ở Nam Bộ trước khi thực dân Pháp xâm lược, những sáng tác văn chương, thi phú, ít được nói đến so với những vùng phía Bắc, chỉ có một số thơ văn chữ Hán, chữ Nôm của nhóm “Chiêu anh các Hà Tiên”, của “Gia Định tam gia thi xã”. Nhưng, chỉ trong một thời gian ngắn thời kháng Pháp, khối lượng cũng như chất lượng thơ văn ở Lục Tỉnh trở nên rõ ràng nổi bật và rất độc đáo. Những áng thơ văn đương thời chẳng những phản ánh được phong trào đấu tranh anh dũng chống Pháp của dân tộc mà còn là những công trình nghệ thuật có giá trị. Do đó, sử dụng những câu thơ, những đoạn trích ngắn trong các tác phẩm văn học Nam Bộ vào dạy học LSVN giai đoạn 1858-1918 sẽ làm tăng sự “cảm thụ lịch sử” cho HS thêm phần tinh tế và sâu sắc hơn.

2.2.2. Tài liệu trong dân gian

- *Lễ hội dân gian ở ĐBSCL* là một hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian phổ biến. Nó tổng hợp nhiều loại hình văn hóa dân gian khác nhau (như: tín ngưỡng, phong tục, tập quán, văn nghệ dân gian, trò chơi dân gian); nhắc nhở con người về tình quê hương đất nước; từ đó góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng. Đây là chất nhân văn của tất cả lễ hội diễn ra tại ĐBSCL. Chẳng hạn, khi dạy học LSVN giai đoạn 1858-1918 cho HS các trường THPT ở ĐBSCL, GV có thể tổ chức cho HS tham gia một số lễ hội như: Hội cúng đình, lễ giỗ Trương Định, lễ giỗ Nguyễn Trung Trực, lễ giỗ Bùi Hữu Nghĩa, lễ hội Tứ Kiệt... (tiêu biểu là lễ giỗ Nguyễn Trung Trực). Sau khi cụ Nguyễn bị hành hình, vì cảm kích lòng yêu nước và khí phách của cụ Nguyễn nên nhân dân đã lập đền thờ để tưởng nhớ đến vị anh hùng của dân tộc. Ngày nay, lễ hội Nguyễn Trung Trực là một trong những lễ hội lớn nhất vùng đất Tây Nam Bộ. Hàng năm, cứ đến ngày 26, 27, 28 tháng 8 âm lịch, nhân dân khắp các tỉnh ĐBSCL, TP. Hồ Chí Minh và Đông Nam Bộ lại về Rạch Giá (Kiên Giang) để tham dự lễ giỗ cụ Nguyễn; ngày giỗ

được tổ chức quy mô và trở thành ngày hội Nguyễn Trung Trực.

Việc tổ chức cho HS tham gia lễ hội Nguyễn Trung Trực không những giúp các em hiểu biết thêm về con người và những đóng góp của ông đối với phong trào kháng chiến chống Pháp ở Tây Nam Bộ nói riêng, Nam Bộ nói chung, mà còn thấy được sự tôn kính của đồng bào người dân địa phương đối với ông. Tham gia lễ hội cũng tạo điều kiện cho các em được gặp gỡ, cùng cố và phát triển mối quan hệ giữa con người với con người, sợi dây liên hệ về mặt tinh thần luôn luôn được bền chắc, tạo cho các em cảm giác linh thiêng, đưa con người về với cội nguồn, với tâm cảm tri ân “uống nước nhớ nguồn”. Đó là giá trị truyền thống cần được bảo lưu, giữ gìn và phát triển.

- *Đờn ca tài tử* là một hoạt động văn hóa nghệ thuật dân gian độc đáo được sáng tác dựa trên dòng nhạc lễ, nhã nhạc cung đình và những giai điệu ngọt ngào, sâu lắng của dân ca miền Trung và dân ca miền Nam. Bởi vậy, nghệ thuật đờn ca tài tử đã trở thành bản sắc văn hóa độc đáo của vùng ĐBSCL nói riêng và Nam Bộ nói chung.

Ví dụ, khi dạy học Bài 19, mục “*Thực dân Pháp chiếm ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ*”: Sau khi áp đặt nền bảo hộ lên Campuchia (1863), Pháp vu cáo triều đình Huế vi phạm điều ước và yêu cầu triều đình giao nốt 3 tỉnh miền Tây Nam Kỳ cho chúng kiểm soát. Trước sức ép về vũ lực của thực dân Pháp và để tránh những tổn thất về người và của, Phan Thanh Giản đành giao ba tỉnh miền Tây cho Pháp. Sau đó, ông đã quyết định tuyệt thực và hi sinh vào năm 1867. Để làm tăng thêm tính sinh động cho bài giảng và giúp HS có cái nhìn đúng đắn hơn về Phan Thanh Giản, GV có thể sử dụng bài Lý Mỹ Hưng (sáng tác của Lê Thành Công): “*Đò ngang sang qua bờ bên kia/ Là nơi trang sử vàng còn ghi/ Đất Vĩnh Long chính là nơi/ Ngày xưa Pháp quân xâm lược/ Cụ Phan Thanh Giản thành danh/ Vì không... thể giữ thành... nên ông phải liều... thân... chết cùng non sông*”.

Sử dụng bài hát trên vào dạy học nội dung này không chỉ giúp làm cho bài học trở nên sinh động, mềm mại, bớt sự khô khan mà còn giúp cho HS dễ nhớ, dễ hình dung về các sự kiện hiện tượng lịch sử được cung cấp trong bài học; đồng thời, giúp các em hiểu hơn về loại hình nghệ thuật đờn ca tài tử, một loại hình văn hóa nghệ thuật dân gian đã được UNESCO công nhận là DSVHPVT đại diện của nhân loại; giúp HS biết trân trọng, yêu quý và quan trọng hơn là góp phần định hướng thị hiếu thương thức âm nhạc. Không những thế, việc đưa đờn ca tài tử vào dạy học LSĐT sẽ tạo niềm đam mê và khả năng biểu diễn, cảm thụ những làn điệu dân ca nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm của thế hệ trẻ trong việc giữ gìn và phát huy những giá trị di sản quý báu của cha ông để lại.

Có thể khẳng định, DSVHPVT ở ĐBSCL rất phong phú và đa dạng, là nguồn tri thức vô cùng quý giá. Do đó, trong dạy học, GV lịch sử và GV bộ môn khác ở các trường THPT khu vực ĐBSCL nên khai thác và sử dụng một cách có hiệu quả những nguồn tài liệu trên vào dạy học nói chung và DHLS nói riêng, góp phần nâng cao hiệu quả dạy học bộ môn ở trường THPT hiện nay.

2.3. Một số biện pháp sử dụng di sản văn hóa phi vật thể tại Đồng bằng sông Cửu Long trong các bài giảng lịch sử dân tộc (1858-1918) trong chương trình Lịch sử lớp 11

2.3.1. Sử dụng khi tiến hành bài học lịch sử dân tộc ở trên lớp

Đối với những sự kiện, hiện tượng ở địa phương được đề cập trong sách giáo khoa, như: sự kiện Pháp chiếm ba tỉnh miền Tây; nhân dân ba tỉnh miền Tây kháng chiến chống thực dân Pháp (tiêu biểu như các cuộc kháng chiến của Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Hữu Huân...), GV sử dụng tài liệu viết về DSVHPVT ở địa phương để cụ thể hóa những sự kiện, hiện tượng lịch sử ở địa phương trở thành sự kiện LSĐT, nhằm giúp HS hiểu sâu sắc hơn, cụ thể hơn LSĐT; đồng thời hiểu rõ ràng, chính xác và có tầm khái quát cao về lịch sử địa phương, văn hóa truyền thống địa phương. Từ đó, HS thấy rất tự hào về những truyền thống quý báu của quê hương mình và sẽ ra sức phấn đấu học tập.

Đối với những sự kiện, hiện tượng lịch sử ở địa phương không có trong sách giáo khoa, nhưng lại có ý nghĩa quan trọng đối với địa phương, chẳng hạn: cuộc kháng chiến của các tôn giáo, như: Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa; sự ra đời của nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ... GV sử dụng tài liệu viết về DSVHPVT ở địa phương để liên hệ thực tế khi dạy học những sự kiện LSĐT. Qua đó, giúp các em biết được những đóng góp của địa phương đối với quá trình xây dựng, bảo vệ và phát triển văn hóa truyền thống dân tộc. Tài liệu viết về DSVHPVT ở ĐBSCL trong giai đoạn 1858-1918 vô cùng phong phú và đa dạng, GV nên khai thác triệt để, nhằm làm phong phú thêm kiến thức LSĐT; đồng thời giúp HS hiểu sâu sắc hơn về những giá trị DSVHPVT của quê hương.

2.3.2. Sử dụng khi tiến hành bài học lịch sử dân tộc tại nơi có di sản văn hóa phi vật thể

Việc tổ chức bài học LSĐT tại nơi có DSVHPVT ở địa phương có ý nghĩa rất lớn đối với HS. Vì khi HS vừa được nghe GV giảng bài vừa được tận mắt quan sát những “dấu vết” của quá khứ thì quá trình nhận thức sẽ dễ dàng và khắc sâu kiến thức hơn. Đồng thời, còn giúp các em phát triển trí tưởng tượng, đa dạng hóa hoạt động nhận thức, gây hứng thú học tập bộ môn. Tiến

hành bài học LSĐT tại nơi có DSVHPVT còn là phương thức thực hiện nguyên lý “học đi đôi với hành”, “nhà trường gắn với xã hội”, “lí luận gắn với thực tiễn”, có tác dụng nâng cao hiểu biết về kiến thức LSĐT, về văn hóa và giáo dục, lòng yêu quê hương, đất nước, óc thẩm mỹ cho các em.

2.3.3. Sử dụng khi tổ chức các hoạt động ngoại khóa

Ngoại khóa là một hoạt động nằm trong chương trình học tập nhằm hỗ trợ, bổ sung và củng cố kiến thức HS đã được học trong bài nội khóa. Tổ chức các hoạt động ngoại khóa tìm hiểu về DSVHPVT tại địa phương là chủ đề mở, GV có thể tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa sinh động, thu hút sự tham gia tích cực của HS, như:

- *Hướng dẫn các nhóm HS tìm hiểu và xây dựng báo cáo chuyên đề về DSVHPVT tại địa phương.* Căn cứ vào nội dung chương trình LSVN giai đoạn 1858-1918 và nội dung các DSVHPVT tại ĐBSCL, GV có thể hướng dẫn các nhóm HS tìm hiểu và xây dựng báo cáo chuyên đề về DSVHPVT tại địa phương. Để làm được điều này, GV phải xác định được chuyên đề cần tìm hiểu viết báo cáo, các công việc cần thực hiện (chia nhóm, giao nhiệm vụ cho từng nhóm, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ, xây dựng chuyên đề báo cáo, hình thức báo cáo, trình bày báo cáo và đánh giá báo cáo) theo các bước quy định. Ở đây, GV có thể hướng dẫn HS thực hiện trình tự công việc như dạy học theo dự án.

- *Tổ chức cho HS tham gia các lễ hội truyền thống ở địa phương.* Việc làm này sẽ giúp HS hiểu sâu sắc hơn về truyền thống, cội nguồn của dân tộc; bồi dưỡng cho các em lòng thành kính, biết ơn những người có công với quê hương, đất nước. Tham gia lễ hội tạo điều kiện cho HS được trải nghiệm thực tế, được giao lưu, học hỏi, củng cố và phát triển mối cộng cảm trong cộng đồng làng, nước và nhân loại, tạo cho các em một cảm giác linh thiêng, đưa con người về với cội nguồn, hướng về Chân - Thiện - Mĩ.

- *Tổ chức dạ hội lịch sử với chủ đề tìm hiểu về DSVHPVT ở địa phương.* Đây là một hoạt động có tính chất tổng hợp thu hút đông đảo HS tham gia dưới định hướng và phối hợp của GV, các tổ chức của nhà trường. GV có thể tổ chức buổi dạ hội lịch sử với chủ đề: “*Tìm hiểu di sản văn hóa dân gian quê hương vùng Tây Nam Bộ*”. Để tổ chức buổi dạ hội, đòi hỏi chuẩn bị hết sức công phu từ xây dựng kế hoạch, nội dung đến đánh giá, tổng kết và trao giải. Tuy nhiên, ngoài sự tích cực của HS, tận tâm, tận tình của GV, vấn đề kinh phí tổ chức rất tốn kém làm cho hoạt động ngoại khóa này không được thực hiện thường xuyên.

(Xem tiếp trang 35)

Bảng 5 cho thấy, lựa chọn hàng đầu trong việc tìm kiếm hỗ trợ cho trẻ tự kỉ của phụ huynh là tìm đến “Tìm kiếm từ các trang web và thông tin trên mạng xã hội với ĐTB = 2,67, với cách thức này phụ huynh thực hiện dễ dàng, nhanh chóng trước khi tìm đến nhà chuyên môn, tiếp theo là tìm đến các cơ sở y tế, giáo dục chuyên biệt (ĐTB = 2,57); tìm đến các giáo viên nhận dạy trẻ tự kỉ tại nhà (ĐTB = 2,56). Lúc này, phụ huynh bắt đầu tìm đến các cơ sở, trung tâm có đội ngũ giáo viên chuyên biệt để can thiệp cho con. Cách thức tìm đến “Sự hỗ trợ từ các nhóm phụ huynh có con mắc rối loạn phát triển” ĐTB = 2,52 bởi lẽ ở nhóm này họ dễ dàng tìm thấy sự chia sẻ, sự cảm thông, phụ huynh biết thêm thông tin và cách thức hỗ trợ cho con, mặc dù những kiến thức và thông tin từ nhóm phụ huynh này còn mang nặng tính kinh nghiệm. Việc phụ huynh “tìm đến các bài thuốc đông tây y” cũng được lựa chọn, nhưng mức độ thấp nhất với ĐTB = 2,06.

3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy, phụ huynh ở TP. Thanh Hóa đã có những nhận thức cơ bản và cập nhật thông tin, kiến thức về hội chứng tự kỉ. Tuy là chưa đầy đủ, nhưng một số phụ huynh đã nhận diện được ở trẻ những dấu hiệu cốt lõi khác thường so với bạn bè cùng độ tuổi như “kém phát triển mối quan hệ bạn hữu tương ứng với tuổi”; “chậm hoặc không phát triển kĩ năng nói so với tuổi”; “mối quan tâm gò bó, định hình, trùng lặp và hành vi bất thường”. Về nguyên nhân, đa số phụ huynh cho rằng nguyên nhân thuộc về yếu tố sinh học là chủ yếu, loại bỏ dần quan niệm trước đây cho rằng việc phụ huynh không quan tâm là nguyên nhân dẫn đến trẻ mắc chứng tự kỉ. Về phương pháp can thiệp, phụ huynh đánh giá cao các phương pháp có căn cứ khoa học như “phương pháp phân tích hành vi ứng dụng”, phương pháp trị liệu ngôn ngữ”, loại bỏ việc chữa tự kỉ bằng tâm linh. Hình thức “Kết hợp giữa can thiệp ở trường chuyên biệt và phụ huynh/ giáo viên can thiệp ở nhà” được nhiều phụ huynh đánh giá cao về tính hiệu quả. Khi tìm kiếm sự trợ giúp, phụ huynh thường lựa chọn trước tiên “Tìm kiếm từ các trang web và thông tin trên mạng xã hội” bởi nhanh chóng, tuy nhiên tính chính xác với từng trẻ lại không cao, do đó phụ huynh cần phải tìm đến các nhà chuyên môn để hỗ trợ.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Thị Hoàng Yến (2015). *Tự kỉ: Những vấn đề lý luận và thực tiễn*. NXB Đại học Sư phạm.
- [2] American Psychiatric Association (2013). *Diagnostic and Statistical Manual of Mental Disorders (DSM-5)*.

- [3] Vu Song Ha - Andrea Whitaker - Maxine Whitaker - Sylvia Rodger (2014). *Living with autism spectrum disorder in Hanoi*. Journal Socia Sience and Medicine, Vol. 120, pp. 278-285.
- [4] Nguyễn Văn Siêm (2007). *Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5] Nguyễn Thị Hoàng Yến (2010). *Đại cương giáo dục trẻ khuyết tật trí tuệ*. NXB Đại học Sư phạm.
- [6] Dana Castro và cộng sự (2015). *Tâm lí học lâm sàng*. NXB Tri thức
- [7] Phạm Toàn - Lâm Hiếu Minh (2014). *Thấu hiểu và hỗ trợ trẻ tự kỉ*. NXB Trẻ.

SỬ DỤNG DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ...

(Tiếp theo trang 56)

3. Kết luận

DSVHPVT tại ĐBSCL trong dạy học LSĐT có vai trò, ý nghĩa to lớn cho việc bồi dưỡng kiến thức, phát triển kĩ năng, định hướng thái độ của HS. Qua đó, góp phần hình thành và phát triển các năng lực học tập bộ môn; đặc biệt là năng lực thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn cuộc sống. Tuy nhiên, trong quá trình giảng dạy, đòi hỏi GV *Lịch sử* không chỉ nắm vững chuyên môn, kiến thức lịch sử địa phương, kiến thức văn hóa nói chung và lí luận dạy học bộ môn, mà còn phải có lòng yêu nghề, nhiệt tình và hết lòng với công việc.

Tài liệu tham khảo

- [1] Phan Ngọc Liên - Trịnh Đình Tùng - Nguyễn Thị Côi (2002). *Phương pháp dạy học Lịch sử*. NXB Đại học Sư phạm.
- [2] Trần Phong Điều - Trần Minh Thương (2014). *Câu đố Thái ở Mỹ Xuyên, Sóc Trăng - Dưới góc nhìn thi pháp thể loại*. NXB Văn hóa Thông tin.
- [3] Đặng Việt Thủy (chủ biên, 2008). *Hỏi đáp về cuộc khởi nghĩa Trương Định*. NXB Quân đội nhân dân.
- [4] Phan Ngọc Liên (tổng chủ biên, 2009). *Lịch sử 11*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [5] Bộ GD-ĐT - Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (2013). *Công văn số 73/HD-BGD&ĐT-BVHTTDL ngày 16/01/2013 về việc Hướng dẫn sử dụng di sản văn hóa trong dạy học ở trường phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên*.
- [6] Nguyễn Thị Côi (2008). *Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học lịch sử ở trường phổ thông*. NXB Đại học Sư phạm.
- [7] Bảo Định Giang (1977). *Thơ văn yêu nước Nam Bộ nửa sau thế kỉ XIX*. NXB Văn học TP. Hồ Chí Minh.
- [8] Nhiều tác giả (2013). *Tài liệu tập huấn Sử dụng di sản trong dạy học ở trường phổ thông*. NXB Giáo dục Việt Nam.